TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 860/2018/DS-PT
Ngày: 26-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Đình Đức**
2. Bà **Nguyễn Thị Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông **Tào Minh Quân -** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/2018/TLPT - DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/DS-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3581/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh A**, sinh năm 1968; (có mặt)
Địa chỉ: 32/53/12 đường N, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1958; (có mặt)
Địa chỉ: 229 đường B, Phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ khác: D16/5/28 đường V, Tổ A, Ấp L, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Lý Mỹ D, sinh năm 1977; (có mặt ngày 06/9/2018, vắng mặt ngày 26/9/2018)
Địa chỉ: 1014/19 đường T, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo:
4.1 Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1958 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh A trình bày:

Ngày 27/01/2016, Bà B có vay ông số tiền 700.000.000 đồng, có viết giấy nợ, có thỏa thuận lãi 1,5%/tháng nhưng hai bên không thỏa thuận lãi suất. Bà B cam kết đến ngày 27/3/2016 trả hết tiền gốc và lãi, nhưng đến ngày 27/3/2016 Bà B không trả. Khi vay nợ Bà B có ghi trong giấy nợ là thế chấp sạp chợ số 273B khu 2B chợ H, Phường 8, Quận M, giao bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh – Hộ kinh doanh cá thể số 41N8013893 cho ông A và bà ghi vào giấy mượn tiền là ông A có quyền quyết định sang nhượng hoặc mua bán sạp nêu trên; Bà B cam kết nếu đến hạn không trả được nợ, thì bà làm giấy bán, chuyển nhượng sạp này cho ông A.

Nay ông yêu cầu Bà B trả số nợ gốc cho ông là 700.000.000 đồng và tiền lãi, thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; đồng thời ông yêu cầu Tòa án buộc Bà B chuyển hẳn quyền kinh doanh sạp 273B khu N chợ H cho ông, ông đồng ý trừ vào giá trị sạp chợ cho Bà B 50.000.000 đồng, số tiền này được cấn trừ vào tổng số nợ mà Bà B phải trả cho ông.

Bị đơn Bà Trần Thị B đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để thông báo thụ lý cho Bà B biết về yêu cầu khởi kiện của ông A và triệu tập bà đến Tòa án để cung cấp lời khai, hoà giải và tham gia phiên toà xét xử nhưng Bà B không đến, không có ý kiến phản hồi và vắng mặt lần hai không lý do. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo cho Bà B theo qui định của luật pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lý Mỹ D trình bày tại bản tự khai ngày 21/11/2017:

Bà D quen biết Bà Trần Thị B là người đứng tên đăng ký kinh doanh tại sạp số 273B, Khu N chợ H. Năm 2014, bà D thuê sạp này của Bà B, hai bên thoả thuận miệng không làm hợp đồng, không có xác nhận của Ban quản lý chợ H, thời hạn thuê là 01 năm, tiền thuê mỗi tháng là 4.500.000 đồng.

Bà B và bà D có thoả thuận khi nào Bà B sang được sạp thì bà D phải trả lại sạp cho Bà B để sang cho chủ mới. Bà D đã trả tiền thuê sạp cho Bà B trước trong năm 2017 và 2018 là 54.000.000 đồng. Theo hợp đồng miệng thì hợp đồng thuê sẽ chấm dứt vào ngày 11/02/2019, Bà B đã lấy tiền thuê sạp của bà D trước đến ngày 11/02/2019.

Do tranh chấp giữa ông A và Bà B, trường hợp Bà B không cho bà D thuê sạp nữa thì Bà B có trách nhiệm hoàn trả tiền thuê sạp mà Bà B đã nhận trước của bà D. Bà D không khởi kiện Bà B trong vụ án tranh chấp giữa ông A và Bà B.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông A yêu cầu Bà B phải trả 700.000.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi từ ngày 27/01/2016 đến ngày 27/01/2018

với mức lãi 10%/năm, thời hạn 02 năm là 140.000.000 đồng (700.000.000 đồng x 10% x 2 năm), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực; ông không yêu cầu Bà B trả thêm khoản lãi nào kể từ ngày 28/01/2018 cho đến khi Bà B thanh toán xong nợ và không yêu cầu chồng hoặc người thân nào khác của Bà B cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra ông A còn yêu cầu Tòa án đề nghị Ban quản lý chợ H thu hồi ngay sạp 273B khu N chợ H do Bà B cho bà D thuê lại và buộc Bà B phải sang tên, chuyển hẳn quyền kinh doanh sạp 273B khu N chợ H cho ông, ông đồng ý trừ vào giá trị sạp chợ cho Bà B 50.000.000 đồng, số tiền này được cấn trừ vào tổng số nợ mà Bà B phải trả cho ông.

Bản án số 117/2018/DS-ST ngày 28/02/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2018/QĐ-SCBSBA ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ông Nguyễn Thanh A.

2. Buộc Bà Trần Thị B phải trả cho ông A số tiền 840.000.000 (tám trăm bốn chục triệu) đồng, trong đó 700.000.000 đồng nợ gốc và 140.000.000 đồng nợ lãi, để ông A chấm dứt vụ kiện Bà B theo Giấy mượn tiền do ông A Bà B đã ký ngày 27/01/2016.

- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.
- Địa điểm giao nhận tiền: Tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Ghi nhận thiện chí của ông A về việc không yêu cầu Bà B trả tiền lãi phát sinh theo giấy mượn tiền ngày 27/01/2016 kể từ ngày 28/01/2018 cho đến khi Bà B trả hết số tiền nợ ghi trên và không yêu cầu chồng hoặc người thân nào khác của Bà B cùng có nghĩa vụ trả nợ với Bà B.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không khởi kiện Bà B về việc thuê và cho thuê sạp T khu N trong vụ án này. Buộc Bà Lý Mỹ D phải trả cho Ban quản lý chợ H – phường 8, Quận M sạp T khu N chợ H, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Ông Nguyễn Thanh A được quyền liên hệ với Ban quản lý chợ H – phường 8, Quận M để ký hợp đồng thuê sạp T khu 2B chợ H, thời hạn thuê do Ban quản lý chợ quyết định, ông A có nghĩa vụ hoàn lại cho Bà Trần Thị B 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng sau khi được Ban quản lý chợ H - Phường K, Quận M, đề xuất Uỷ ban nhân dân Quận M và được Uỷ ban nhân dân Quận M cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sạp chợ T khu N chợ H, số tiền này được cấn trừ vào tổng nợ mà Bà B phải trả cho ông A ghi trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/4/2018, bị đơn bà Trần Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị B kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm do bà không vay tiền của nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh A. Bà B xác nhận có ký tên tại giấy

mượn tiền ngày 27/01/2016 nhưng không nhận số tiền vay 700.000.000 đồng của ông A.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về thời hạn kháng cáo, phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà B, sau đó bà B kháng cáo quá hạn và được chấp nhận, do đó kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Bà B có hộ khẩu thường trú tại 229 đường B, Phường H, Quận M. Theo kết quả xác minh của Công an thì Bà B đã bán nhà, chuyển nhà đi đâu không rõ. Toà sơ thẩm đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết, xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên toà phúc thẩm, Bà B đã có mặt để trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không cần thiết huỷ án. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 27/01/2016 cho thấy bà B có vay ông A số tiền 700.000.000 đồng nên Toà án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà B trả vốn và tiền lãi là có căn cứ. Căn cứ vào công văn số 04/BQL ngày 10/01/2018 của Ban quản lý chợ H thì sạp T thuộc sở hữu của nhà nước do Bà B đứng tên thuê. Bà B thế chấp cho ông A sạp chợ H và cam kết nếu không trả tiền sẽ chuyển nhượng sạp chợ cho ông A. Do Bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông A nên ông A yêu cầu Bà B có trách nhiệm sang sạp cho ông A là có cơ sở. Đối với ý kiến của bà D thoả thuận miệng thuê sạp của Bà B, tuy nhiên tại phiên toà bà D không có yêu cầu. Do đó, nếu bà D có yêu cầu thì sẽ giải quyết trong một vụ án khác. Ghi nhận số tiền 50.000.000 đồng ông A hỗ trợ Bà B.

Từ những nhận định trên, Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Bà B, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, xét đánh giá kết quả tranh tụng, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Mỹ D có mặt tại phiên tòa ngày 06/9/2018 nhưng tại phiên tòa ngày 27/9/2018 bà D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 27/01/2016 (Bút lục 35) ký kết giữa ông Nguyễn Thanh A và bà Trần Thị B thể hiện: Bà B có mượn của ông A số tiền 700.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất nhưng có ghi phương thức thanh toán lãi hàng tháng vào ngày 27/2016; thời hạn vay trả hết nợ gốc ngày 27/3/2016. Để đảm bảo khoản vay bà B có thế chấp cho ông A sạp bán quần áo tại chợ H,

giao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ đăng ký kinh doanh cá thể số 41N 8013893 do Ủy ban nhân dân quận M cấp ngày 20/10/2009 cho bà Trần Thi B, bản sao y sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà B cho ông A giữ. Hai bên thỏa thuận: Nếu đến hạn mà bà B không trả nợ gốc thì bà B phải chuyển nhượng sang tên sạp chợ T – Khu N chợ H cho ông A.

[2.2] Như vậy, tại thời điểm ký giấy mượn tiền ngày 27/01/2016 bà B đã sử dụng giấy đăng ký kinh doanh do bà B đứng tên để thể chấp cho ông A đảm bảo cho số tiền vay có nghĩa là bà B đã xác nhận có mượn số tiền của ông A 700.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B cho rằng bà không có mượn tiền nhưng bà B không có chứng cứ chứng minh có sự ép buộc từ phía nguyên đơn. Bà B cho rằng không nhận tiền của nguyên đơn, việc vay mượn tiền của ông A là do con trai bà mượn, bà B không biết nhưng bà B không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do đó, Toà án sơ thẩm tuyên xử buộc bà B phải chịu trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 700.000.000 đồng cho ông A là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn phần này không được chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Án sơ thẩm tính tiền lãi từ ngày 27/01/2016 đến ngày 27/01/2018 với mức lãi 10%/năm, thời hạn 02 năm là 140.000.000 đồng là đúng pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả thêm tiền lãi kể từ ngày 28/01/2018 cho đến khi Bà B trả xong số nợ và tiền lãi nên ghi nhận. Giữ nguyên như án sơ thẩm phần này.

[2.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận đang giữ bản chính giấy đăng ký kinh doanh do bà B đứng tên, bản sao y chứng minh nhân dân hộ khẩu của bà B. Do đó, khi bà B thi hành trả xong số tiền vốn và lãi tổng cộng là 840.000.000 đồng nêu trên thì ông A phải hoàn trả lại cho bà B giấy tờ trên. Thi hành giao nhận tiền và giao trả giấy tờ trên cùng lúc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Án sơ thẩm thiếu phần này nên bổ sung cho đúng.

[2.5] Tại phiên toà phúc thẩm, ông A còn yêu cầu Tòa án đề nghị Ban quản lý chợ H thu hồi ngay sạp T khu 2B chợ H do bà D thuê lại của Bà B và buộc Bà B phải sang tên, chuyển quyền kinh doanh sạp T khu 2B chợ H cho ông A. Ông A đồng ý trừ vào giá trị sạp chợ cho Bà B 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, số tiền này được cấn trừ vào tổng số nợ mà Bà B phải trả cho ông A.

Xét thấy, để đảm bảo khoản vay bà B có thế chấp cho ông A sạp bán quần áo tại chợ H, giao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ đăng ký kinh doanh cá thể số 41N 8013893 do Ủy ban nhân dân quận M cấp ngày 20/10/2009 cho bà Trần Thị B, bản sao y sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà B cho ông A giữ. Bà B cam kết nếu đến hạn mà bà B không trả nợ gốc thì bà B phải chuyển nhượng sang tên sạp chợ số 273 B – Khu 2B chợ H cho ông A.

Tại văn bản số 56/BQL ngày 19/9/2018 của Ban quản lý chợ H cho biết: Trong trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu của ông A; ông A được quyền đứng tên giấy chứng nhận kinh doanh và được quyền kinh doanh tại sạp 273B khu 2B thì bà B và ông A phải đến Ban quản lý chợ H lập thủ tục chuyển quyền kinh doanh theo quy định và ông A sẽ thực hiện các nghĩa vụ tài chính cũng như ký

hợp đồng thuê sạp đối với Ban quản lý. Từ năm 2017 đến nay Ban quản lý chợ H không thực hiện ký hợp đồng thuê mặt bằng sạp 273B đối với bà B.

Như vậy, từ khi vay tiền năm 2016 đến nay bà B không trả tiền cho nguyên đơn thì bà B phải chịu trách nhiệm đối với việc cam kết trên. Từ năm 2017 đến nay, bà B cũng không ký hợp đồng thuê sạp với Ban quản lý chợ H. Do đó, cần cho bà B thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để Bà B trả nợ cho nguyên đơn. Quá hạn nêu trên, Bà B không trả thì ông A được quyền liên hệ với Ban quản lý chợ H để chuyển quyền kinh doanh sạp chợ số 237B Khu 2B theo quy định pháp luật. Ông A sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính cũng như ký hợp đồng thuê sạp chợ đối với Ban quản lý chợ H.

Tại công văn số 87/BQL ngày 30/10/2017 của Ban quản lý chợ H – Phường 8, Quận M cho biết sạp chợ số 273B khu 2B chợ H do Bà Lý Mỹ D thuê lại của Bà Trần Thị B, việc Bà B cho bà D thuê lại sạp là do hai bên tự thỏa thuận với nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D xác định không tranh chấp việc thuê sạp chợ với bà B trong vụ án này. Lẽ ra, bà D phải giao trả sạp chợ cho bà B. Tuy nhiên, tại văn bản số 56/BQL ngày 19/9/2018 của ban Quản lý chợ H cho biết từ năm 2017 đến nay Ban quản lý chợ không thực hiện ký hợp đồng thuê mặt bằng sạp số 273B với bà B. Do đó, buộc bà D giao trả trực tiếp cho Ban quản lý chợ H sạp chợ số 273B khu 2B chợ H để Ban quản lý chợ H ký kết hợp đồng thuê sạp với ông A theo quy định pháp luật.

Ghi nhận việc ông A tự nguyện hỗ trợ bà Thu 50.000.000 đồng sau khi ông được Ban quản lý chợ H ký hợp đồng thuê sạp chợ số 273B khu 2B chợ H.

Bản án số 117/2018/DS-ST ngày 28/02/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2018/QĐ-SCBSBA ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định phần đề xuất Uỷ ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể cho ông A là không đúng bởi lẽ giấy phép kinh doanh không phải là quan hệ tài sản, đây là giấy phép đăng ký hành nghề kinh doanh thuộc trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nên không cần thiết đề suất Uỷ ban nhân dân Quận M như án sơ thẩm. Do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Như vậy, bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên cần sửa phần ông A phải trả bản chính giấy đăng ký kinh doanh cho bà B khi bà B trả tiền cho ông A và sửa câu từ cho chính xác theo quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của Bà Trần Thị B không được chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên phía bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e, khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; và căn cứ điểm d, mục 1.3, khoản 1 phần II, Danh mục A của Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 117/2018/DSST ngày 28/02/2018 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2018/QĐ-SCBSBA ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Thanh A.

2. Buộc Bà Trần Thị B phải trả cho Ông Nguyễn Thanh A số tiền vốn là 700.000.000 đồng và tiền lãi là 140.000.000 đồng. Tổng cộng là 840.000.000 (Tám trăm bốn mươi triệu) đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Thanh A trả lại cho bà Trần Thị B: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 41N8013893 do Ủy ban nhân dân quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị B ngày 20/10/2009; Bản sao y Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà Trần Thị B .

Thi hành việc trả tiền và giấy tờ trên cùng lúc trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Quá thời hạn nêu trên, bà Trần Thị B không thực hiện trả tiền cho Ông Nguyễn Thanh A thì căn cứ bản án này Ông Nguyễn Thanh A được quyền liên hệ trực tiếp với Ban quản lý chợ H, Phường 8, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng thuê sạp chợ số 273B khu 2B chợ H theo quy định pháp luật.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Nguyễn Thanh A hỗ trợ Bà Trần Thị B số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng sau khi ông A được Ban quản lý chợ H ký hợp đồng thuê sạp chợ số 273B khu 2B chợ H, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ghi nhận việc Ông Nguyễn Thanh A không yêu cầu Bà Trần Thị B trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/01/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ nêu trên và không yêu cầu chồng hoặc người thân nào khác của Bà Trần Thị B cùng có nghĩa vụ trả nợ.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Lý Mỹ D không tranh chấp với Bà Trần Thị B về việc thuê và cho thuê sạp 273B khu N trong vụ án này.

8. Buộc Bà Lý Mỹ D phải giao sạp chợ số 273B khu 2B chợ H cho Ban quản lý chợ H để Ban quản lý chợ Tân Bình ký kết hợp đồng thuê sạp với ông Nguyễn Thanh A theo quy định pháp luật. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm là:

Bà Trần Thị B phải chịu 37.200.000 (Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho Ông Nguyễn Thanh A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 (Mười sáu triệu) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006242 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008517 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T 15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng